TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HS-ST.
Ngày: 14/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Đức**

2. Bà **Huỳnh Thị Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2022/QĐST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN Đ, sinh năm xxxx; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Phạm Văn N, sinh năm xxxx; Mẹ: Trần Thị T, sinh năm xxxx (đã chết); Vợ, con: chưa có; Đặc điểm nhân thân: Vào ngày 11/9/2018, Phạm Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo Phạm Văn Đ chấp hành xong vào ngày 19/9/2019 (đã được xóa án tích); Bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố H áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 130/QĐ-TA ngày 12/6/2015, bị cáo chấp hành xong ngày 20/01/2017 (đã được xóa tiền sự); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/8/2022 và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Đào Minh S, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ **Lê Minh T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

2/ **Phạm Tấn Đ**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: 156/27B xxxx, phường 13, quận 6, thành phố H (xin vắng mặt).

3/ **Bùi Đình P**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: Xóm xx, Xã Đ, huyện N, tỉnh N; Tạm trú: 44 Bis Bà H, phường 13, quận 6, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/8/2022, anh Đào Minh S điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Dream, biển số 63F5-xxxx đi từ nhà mình đến quán karaoke Mỹ P thuộc ấp Gò L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang để tập gym, đến lúc anh S ra về thì bạn của anh S là anh Lê Minh T đùa giỡn không cho anh S về và dẫn xe anh S đem đi giấu, T đem xe của anh S dựng ở phía trước hành lang nhà anh Võ Hùng S, sinh năm xxxx, ngụ ấp Gò L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và khóa cổ xe lại rồi đi về, do không có xe về nên anh S nhờ bạn đưa về nhà mình. Đến khoảng 17 giờ, ngày 16/8/2022 anh S hỏi T xe để đâu để anh S đem về nhà thì được T chỉ là đã dựng ở trước hành lang nhà anh S, anh S đến nhà anh S lấy xe thì phát hiện xe mô tô trên đã bị mất, nên đã trình báo Cơ quan Công an.

Qua điều tra truy xét, xác định Phạm Văn Đ là người đã trực tiếp trộm xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 63F5-xxxx của anh S. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Văn Đ khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 16/8/2022, Đ đi bộ từ nhà mình đến nhà anh Võ Hùng S để tìm anh S nói chuyện, khi đến nhà thì không thấy anh S ở nhà, Đ nhìn thấy hành lang nhà anh S có 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 63F5-xxxx của ai không rõ và không có người trông coi, lúc này Đ nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô này đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tiếp theo, Đ đi lại gần và dùng tay bẻ khóa cổ và dẫn bộ ra đường lớn và dùng tua vít mở nắp đèn trước ra bứt dây điện xong và ráp lại, Đ nổ máy xe và điều khiển đến tiệm cầm đồ Ngọc T thuộc Phường XX, Quận Y, Thành phố H cầm cho chủ tiệm là anh Bùi Đình P, sinh năm xxxx, ngụ số 44Bis Bà H, Phường xx, Quận xx, Thành phố H với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và Đ trả trước tiền lãi tháng đầu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Sau đó, đón xe buýt đi về nhà, trên đường về nhà thì bị lực lượng Công an mời làm việc.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 112 về việc xác định giá trị tài sản là: 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 63F5-xxxx; nhãn hiệu: Dream; số loại II;

màu S: nâu; số máy: C100ME 0237147; số khung: C100ME – 0237147; dung tích: 97 cm3, đăng ký mới ngày 23/12/1999 (đã qua sử dụng) có giá trị còn lại là 18 %.

Thành tiền: 32.000.000 x 18% = **5.760.000** đồng *(Năm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).*

Tang vật thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Đông phối hợp với Công an Phường XX, Quận Y, Thành phố H tiến hành làm việc với chủ tiệm cầm đồ Ngọc T là anh Bùi Đình P, sinh năm xxxx, ngụ số 44Bis Bà H, Phường XX, Quận Y, Thành phố H và thu giữ 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Dream, biển số 63F5-xxxx, màu nho, số khung C100M0237147, số máy C100ME0237147 và 01 (Một) giấy hợp đồng thế chấp tài sản số 0003718 có chữ ký tên Đ và của tiệm cầm đồ Ngọc T ghi ngày 16/8/2022 và thu giữ của Phạm Văn Đ gồm: 01 (Một) tua vít màu cam, đen dài 15 cm (cán màu cam, đen dài 10 cm, mũi tua vít bằng kim loại dài 0.5 cm); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 02 (Hai) giấy hợp đồng cầm cố số 009801 và 009110; Tiền Việt Nam là 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận định giá tài sản và vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đào Minh S đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và số tiền anh S đã tự nguyện thay thế Phạm Văn Đ bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho anh P. Anh S không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

* Bản Cáo trạng số 58/CT-VKSGCĐ ngày 21/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Gò Công Đông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) tua vít màu cam, đen dài 15 cm (cán màu cam, đen dài 10 cm, mũi tua vít bằng kim loại dài 0.5 cm); + 01 (Một) giấy hợp đồng thế chấp tài sản số 0003718 có chữ ký tên Đ và của tiệm cầm đồ Ngọc T ghi ngày 16/8/2022.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 02 (Hai) giấy hợp đồng cầm cố số 009801 và 009110.

+ Sung quỹ ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam là 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Bị cáo Phạm Văn Đ nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Đào Minh S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ về những tình tiết có liên quan và việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, bị cáo cũng không có ý kiến gì nên căn cứ quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ ngày 16/8/2022 tại ấp Gò L, xã T, huyện G, tỉnh T bị cáo Phạm Văn Đ đã lén lút lấy trộm tài sản của anh Đào Minh S 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 63F5-xxxx; nhãn hiệu: Dream; số loại II; màu S: nâu có giá trị là: **5.760.000** đồng *(Năm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng)*.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Như vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị **5.760.000** đồng *(Năm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng)* của bị cáo Phạm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Xét khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Văn Đ đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe bình thường, không có nghề nghiệp ổn định, không có lối sống tích cực cho bản thân, gia đình, bị cáo nghiện ma túy và có ích cho xã hội, không có ý thức chấp hành pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

- Xét về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn Đ không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân không tốt, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tuyên phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 18/2018/HS-ST ngày 11/9/2018, bị cáo chấp hành xong vào ngày 19/9/2019 (đã được xóa án tích); bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố H áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 130/QĐ-TA ngày 12/6/2015, bị cáo chấp hành xong ngày 20/01/2017 (đã được xóa tiền sự).

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi đối với hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo Phạm Văn Đ không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có một tình tiết

giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhưng chỉ vì lười biếng lao động, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác thể hiện sự coi thường pháp luật. Để Đ tranh ngăn chặn và phòng ngừa có hiệu quả tội phạm cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, tu dưỡng thành người công dân tốt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định và không có tài sản.

[6] Đối với anh Phạm Tấn Đ chủ tiệm cầm đồ Ngọc T và anh Bùi Đình P đã nhận cầm cố của Phạm Văn Đ 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 63F5-xxxx; nhãn hiệu: Dream; số loại II; màu S: nâu; số máy: C100ME 0237147; số khung: C100ME – 0237147; dung tích: 97 cm3, đăng ký mới ngày 23/12/1999 (đã qua sử dụng). Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh tại thời điểm anh P nhận cầm cố tài sản trên thì P hoàn toàn không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát Cảnh sát điều tra không khởi tố, xử lý là có cơ sở.

Đối với xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 63F5-xxxx; nhãn hiệu: Dream; số loại II; màu S: nâu; số máy: C100ME 0237147; số khung: C100ME – 0237147; dung tích: 97 cm3, đăng ký mới ngày 23/12/1999 qua điều tra, xác minh xe mô tô này do chị Nguyễn Kim Lệ, ngụ ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, anh Đào Minh S, sinh năm xxxx, ngụ ấp 6, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang mua xe mô tô trên của một người phụ nữ (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể) tại thị xã Gò Công nhưng không có đăng ký S tên chủ sở hữu, khi mua người bán đã đưa anh giấy đăng ký xe. Qua xác minh, tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang không có ai tên Nguyễn Kim Lệ theo hồ sơ tra cứu. Do đó, sau này nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đào Minh S đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và số tiền anh S đã tự nguyện thay thế Phạm Văn Đ bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho anh P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh S không có yêu cầu bị cáo Phạm Văn Đ bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy tài sản, giấy tờ liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 (Một) tua vít màu cam, đen dài 15 cm (cán màu cam, đen dài 10 cm, mũi tua vít bằng kim loại dài 0.5 cm); 01 (Một) giấy hợp đồng thế chấp tài sản số 0003718 có chữ ký tên Đ và của tiệm cầm đồ Ngọc T ghi ngày 16/8/2022.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 02 (Hai) giấy hợp đồng cầm cố số 009801 và 009110.

- Sung quỹ ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam là 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng), đây là tiền cá nhân của bị cáo nhưng bị cáo không nhận lại.

[9] Lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáoPhạm Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn Đ** phạm tội "***Trộm cắp tài sản".***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 17/8/2022.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) tua vít màu cam, đen dài 15 cm (cán màu cam, đen dài 10 cm, mũi tua vít bằng kim loại dài 0.5 cm); 01 (Một) giấy hợp đồng thế chấp tài sản số 0003718 có chữ ký tên Đ và của tiệm cầm đồ Ngọc T ghi ngày 16/8/2022.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 02 (Hai) giấy hợp đồng cầm cố số 009801 và 009110.

- Sung quỹ ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam là 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2022.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nguyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- Công an H.GCĐ;
- THA;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Lưu HS, AV.